

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/HS-PT

Ngày: 21 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký Tòa án: Bà Ngô Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Lê Hồng S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 650/2025/HSST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hồng S (Nguyễn Văn V, Đoàn Đức C, Đức B), sinh năm 1960 tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện C, Thành Phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Khánh T và bà Đặng Thị M; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Ngày 19/01/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xét xử phúc thẩm giảm xuống 16 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2022.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 17/5/2024, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

- *Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại:* Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số C, đường X, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo S có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm: Lê Hồng S (Nguyễn Văn V, Đoàn Đức C, Đ) có mối quan hệ thân thiết với gia đình ông Phí Văn T1 (sinh năm 1950) và bà Nguyễn Thị Ánh P (sinh năm 1956), cùng có nơi đăng ký thường trú số 341/33, đường X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được vợ chồng ông T1 nhận là con nuôi.

Vào năm 2004, vợ chồng ông T1 có nhu cầu mua nhà đất tại thành phố B và nhờ S tìm giới thiệu. Sau đó, sẵn có mảnh đất tại phường H, thành phố B, S đã mua giấy tay từ năm 2003 của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1948, ngụ tại tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) và biết được căn nhà của ông Phạm Phương C1 – sinh năm 1954 (địa chỉ số B, tổ G, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) cần bán nên S đã giới thiệu và dẫn vợ chồng ông T1 đi xem.

Ông T1 và bà P đồng ý góp số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) mua chung thửa đất trên với S và đồng ý mua căn nhà của ông C1 nêu trên với giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Sau đó, trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2004 đến ngày 07/7/2004, vợ chồng ông T1 đã nhiều lần đưa tiền cho S, tổng số tiền đã đưa là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) để mua nhà và đất nêu trên. Sau khi nhận tiền của ông T1, S đã đứng tên trên hợp đồng mua căn nhà của ông C1 tại địa chỉ số B, tổ G, khu phố B, phường L.

Đến ngày 28/02/2005, không thấy S giao giấy tờ nhà đất nên ông T1 đã làm đơn tố cáo S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi ông T1 đăng ký thường trú). Quá trình giải quyết, S đồng ý sẽ giao lại căn nhà cho ông T1 hoặc sẽ bán nhà đất để trả lại tiền cho ông T1 nhưng đến ngày 05/5/2005, sau khi bán nhà đất trên cho ông Nguyễn Văn C2 (sinh năm 1952, nơi đăng ký thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) S đã bỏ trốn, không trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông T1 nên ngày 23/5/2005, Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an quận B đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 22/01/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Lê Hồng S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” để điều tra, xử lý. Ngày 17/5/2024, Lê Hồng S đã đến Công an quận C, Thành phố Hà Nội đầu thú và được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), bị cáo S chiếm đoạt của vợ chồng ông T1 và bà P, S đã sử dụng hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

Về dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Ánh P và là đại diện (do ông Phí Văn T1 đã chết ngày 03/5/2023), yêu cầu Lê Hồng S phải bồi thường số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 650/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử bị cáo Lê Hồng S **08 (tám) năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ 17/5/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2024, bị cáo Lê Hồng S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 86/2024/TB-TA ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

“Xử phạt bị cáo Lê Hồng S 08 (tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2024.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ánh P số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 330.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, xã hội tại địa phương, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thời gian từ ngày 18/5/2004 đến ngày 07/7/2004, tại địa bàn thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Lê Hồng S đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tổng số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) của vợ chồng ông Phí Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh P thì bị tố cáo, khởi tố điều tra, xử lý.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Hồng S 08 (tám) năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không còn cung cấp tình tiết gì mới, nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 650/2024/HSST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng S **08 (tám) năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2024.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ánh P số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo Lê Hồng S được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Trại tạm giam;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Long Châu